



BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM VIETNAM CEMENT MARKET REPORT

Quý II năm 2026



TRONG QUÝ II/2026:

- ✓ Giá than, petcoke, điện, xăng dầu và một số nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao, dù có dấu hiệu hạ nhiệt vào cuối quý nhưng chưa ổn định
- ✓ Sản xuất, tiêu thụ nội địa tiếp tục phục hồi nhờ đầu tư công; hệ số huy động công suất vẫn thấp
- ✓ Xuất khẩu giảm 5% QOQ nhưng tăng 10% YOY; áp lực giá và logistics
- ✓ Phục hồi chưa đồng đều giữa các khu vực và doanh nghiệp

Xuất bản hàng Quý

NỘI DUNG

ĐỊNH NGHĨA , GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VIẾT TẮT	2
DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU	3
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	3
PHẦN I - BỐI CẢNH KINH TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH XI MĂNG VIỆT NAM	4
1.1. Bối cảnh thị trường thế giới	4
1.2. Biến động thị trường của các ngành, lĩnh vực liên quan	5
1.2.1. Thị trường nguyên, nhiên liệu	5
1.2.2. Biến động thị trường VLXD	6
1.2.3. Đầu tư công và thị trường bất động sản	7
1.2.4. Tác động của cơ chế, chính sách	7
PHẦN II – TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM	8
2.1. Tổng hợp số liệu sản xuất	8
2.2. Tổng hợp số liệu tiêu thụ	9
2.2.1. Tổng lượng tiêu thụ xi măng + clinker toàn ngành	9
2.2.2. Tiêu thụ nội địa	10
2.2.3. Xuất khẩu	12
2.2.4. Tổng hợp lượng và giá trị xuất khẩu sang một số thị trường chính	14
2.3. So sánh lượng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu theo quý	15
2.4. Giá bán XM bình quân trong QII/2026	16
PHẦN III – NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	17
3.1. Nhận định chung	17
3.2. Kết quả SXKD của một số doanh nghiệp xi măng	17
3.3. Phân tích tác động	17
3.4. Dự báo và khuyến nghị	17
PHẦN IV – NHỮNG VẤN ĐỀ NỔI BẬT CỦA NGÀNH XI MĂNG VIỆT NAM	18
4.1. Sản xuất, tiêu thụ và diễn biến thị trường	18
4.2. Kết quả kinh doanh, quản trị và tái cơ cấu doanh nghiệp	18
4.3. Đầu tư công nghệ, năng lượng, giảm phát thải	18
4.4. Đầu tư công suất, nguồn nguyên liệu và hạ tầng logistics	18
4.5. Cơ chế, chính sách mới tác động đến ngành	18
4.6. Nhận định tổng hợp	18
PHỤ LỤC KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP XI MĂNG	19
PHỤ CHÚ	20

ĐỊNH NGHĨA, GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VIẾT TẮT

1. VICEMs: Khối Doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), có vốn thuộc sở hữu nhà nước. Bao gồm: Vicem Hải Phòng, Vicem Bửu Sơn, Vicem Hoàng Thạch, Vicem Bút Sơn, Vicem Hà Tiên, Vicem Hải Vân, Vicem Hoàng Mai, Vicem Tam Điệp, Vicem Hạ Long, Vicem Sông Thao.
2. Vốn NNG: Khối Doanh nghiệp có yếu tố vốn từ nước ngoài (NNG), theo loại hình Công ty TNHH hoặc CP. Bao gồm: Xi măng Thăng Long, Xi măng Phúc Sơn, Xi măng Lusk VN, Xi măng INSEE VN, Xi măng Chinfon, Xi măng Nghi Sơn, Xi măng Sông Giang SCG, Xi măng Lộc Sơn, Xi măng Fico YTL.
3. Tập đoàn: Gồm 33 doanh nghiệp còn lại có vốn tư nhân hoặc một phần vốn nhà nước thuộc các Tập đoàn kinh tế.
4. VNCA: Hiệp hội xi măng Việt Nam
5. BBS: Ban Biên soạn Trang thông tin điện tử chuyên ngành ximang.vn và các ấn phẩm chuyên ngành
6. Gamma NT Co. Đơn vị truyền thông liên kết của VNCA, vận hành kỹ thuật và phát triển Trang Tin chuyên ngành ximang.vn
7. CIDC Trung tâm Thông tin và CSDL xi măng Việt Nam, đơn vị điều tra thị trường, xây dựng CSDL chuyên ngành và xuất bản các ấn phẩm Báo cáo ngành xi măng Việt Nam
8. TTND: Tiêu thụ nội địa
9. XK: Xuất khẩu
10. VLXD: Vật liệu xây dựng
11. XM: Xi măng
12. Clk: Clinker
13. ĐVT: Đơn vị tính
14. DN: Doanh nghiệp
15. YTD: Year To Date, lũy kế từ đầu năm (dương lịch) đến nay
16. YOY: Year over Year, so với cùng kỳ năm trước
17. QOQ: Quarter over Quarter, so với quý trước liền kề
18. FY2026: Full Year 2026, tính cho cả năm 2026
19. QII. 2026: The Second Quarter 2026, Quý II năm 2026
20. M3. 2026: The March 2026, Tháng 3 năm 2026
21. XMVN: Xi măng Việt Nam
22. DC: Dây chuyền
23. SX: Sản xuất

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Chương.mục	Tên Bảng số liệu
2.1	Bảng 1: Tổng hợp số liệu sản xuất
2.2.1	Bảng 2: Tổng lượng tiêu thụ xi măng + clinker toàn ngành
2.2.2	Bảng 3: Tiêu thụ nội địa theo khối doanh nghiệp
	Bảng 4: Tiêu thụ nội địa theo miền
2.2.3	Bảng 5: Sản lượng xuất khẩu xi măng + clinker
2.2.4	Bảng 6: Tổng hợp lượng và giá trị xuất khẩu sang một số thị trường chính
2.3	Bảng 7: So sánh lượng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu theo quý
PL	Bảng 8: Kết quả kinh doanh quý 2 của một số doanh nghiệp xi măng

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Chương.mục	Tên Biểu đồ
2.1	Biểu đồ 1: Sản lượng xi măng
	Biểu đồ 2: Tỷ trọng sản xuất 3 khối
	Biểu đồ 3: So sánh sản lượng sản xuất theo quý 2025, 2026
2.2.1	Biểu đồ 4: Tỷ trọng lượng TTND/XK
2.2.2	Biểu đồ 5: Tỷ trọng tiêu thụ nội địa 3 khối
	Biểu đồ 6: Lượng xi măng tiêu thụ nội địa
	Biểu đồ 7: So sánh lượng tiêu thụ nội địa theo quý 2025, 2026
	Biểu đồ 8: Tỷ trọng tiêu thụ nội địa 3 miền
	Biểu đồ 9: Lượng tiêu thụ xi măng theo vùng, miền
2.2.3	Biểu đồ 10: Tỷ trọng xuất khẩu XM/Clk
	Biểu đồ 11: So sánh lượng xuất khẩu XM và Clk theo quý 2025, 2026
	Biểu đồ 12: Lượng và giá trị xuất khẩu xi măng và clinker
2.3	Biểu đồ 13: So sánh sản lượng sản xuất, TTND và xuất khẩu trong quý
2.4	Biểu đồ 14: Giá bán bình quân các thương hiệu xi măng tại miền Bắc
	Biểu đồ 15: Giá bán bình quân các thương hiệu xi măng tại miền Trung
	Biểu đồ 16: Giá bán bình quân các thương hiệu xi măng tại miền Nam

PHẦN I - BỐI CẢNH KINH TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH XI MĂNG VIỆT NAM

1.1. Bối cảnh thị trường thế giới

Quý II/2026 kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu tác động mạnh của xung đột Trung Đông, giá năng lượng leo thang và biến động thị trường tài chính. Các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng toàn cầu từ xxx% – xxx% năm 2026 (World Bank xxx%, IMF xxx%, OECD xxx%). Lạm phát toàn cầu dự báo khoảng xxx % năm 2026 (IMF: xxx%; OECD: ~ xxx% cho G20). Thất nghiệp tại các nước phát triển tăng nhẹ (từ ~ xxx% lên ~ xxx% năm 2027 theo OECD).

► Ngành xi măng Bangladesh chịu áp lực từ chi phí tăng và nhu cầu suy giảm

► Tây Ban Nha dành hơn 300 triệu EUR hỗ trợ khử carbon cho ngành xi măng

► Giá than tăng, petcoke lấy lại lợi thế cạnh tranh

► Trung Quốc siết tiêu chuẩn năng lượng, thúc đẩy ngành xi măng đổi mới công nghệ

► Philippines đẩy mạnh giảm clinker và sử dụng nhiên liệu thay thế

► Ngành xi măng Ấn Độ đẩy nhanh chuyển đổi xanh

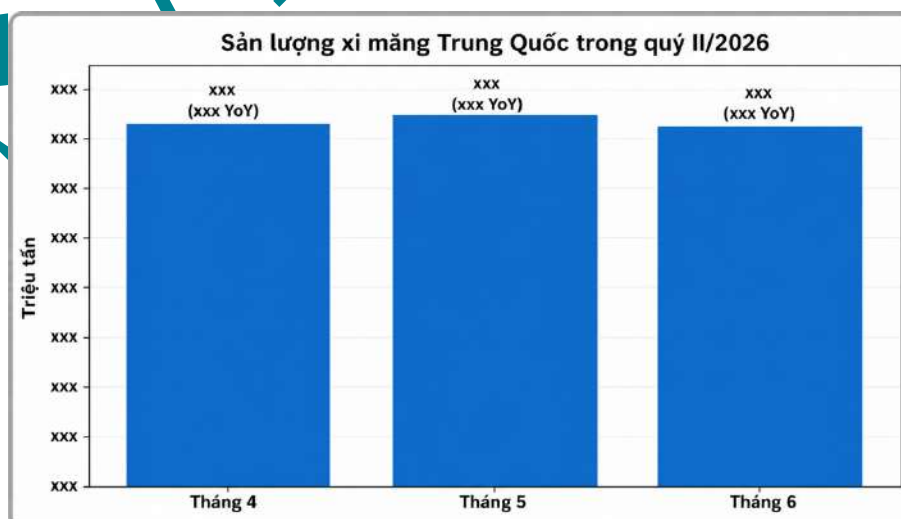
► EU công bố giá chứng chỉ CBAM đầu tiên: 75,36 EUR/tCO₂

► Hội đồng EU thống nhất lập trường tăng cường CBAM và chống lẩn tránh

► Ngành xi măng Australia đẩy nhanh chuyển đổi xanh trước áp lực chi phí

► Nhu cầu xi măng Philippines được dự báo giảm một chữ số trong năm 2026

► Peru tăng mạnh nhập khẩu xi măng



1.2. Biến động thị trường của các ngành, lĩnh vực liên quan

1.2.1. Thị trường nguyên, nhiên liệu

Thị trường nguyên, nhiên liệu trong quý II/2026 không diễn biến theo một xu hướng giảm ổn định, mà mang đặc trưng tăng sốc trong phần đầu quý và điều chỉnh nhanh trong tháng 6..

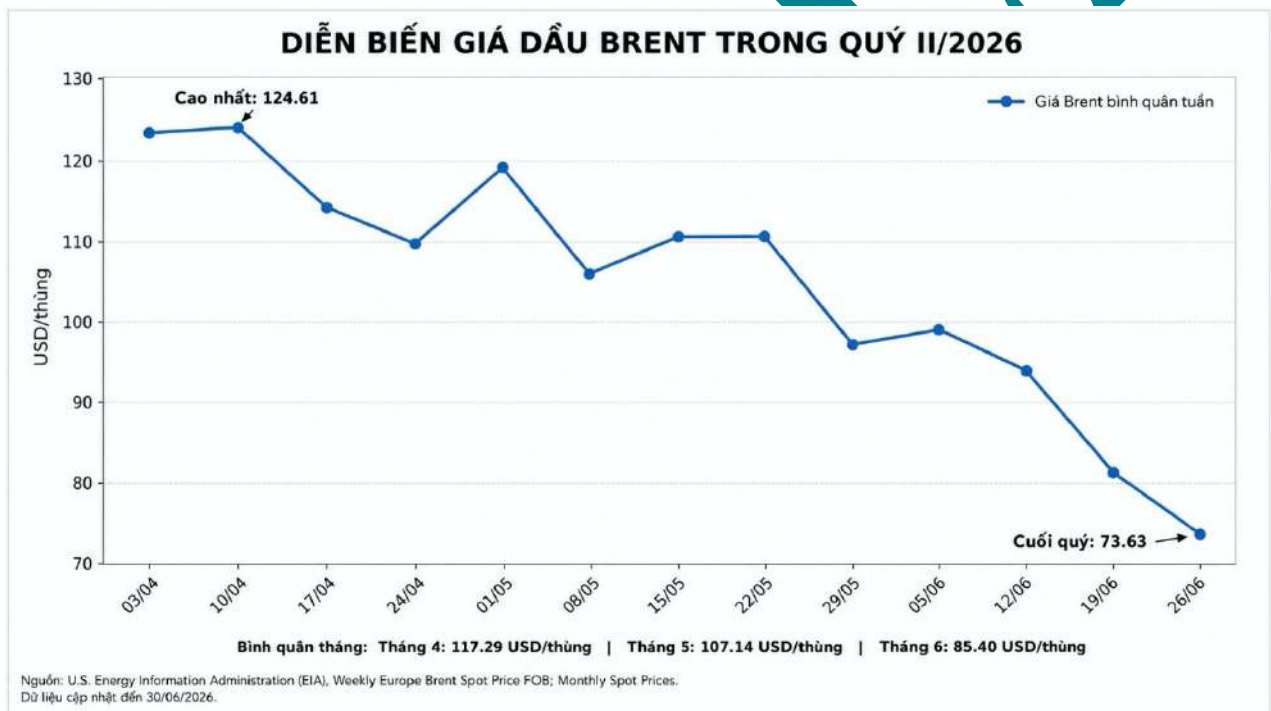
► **Điện năng:** Giá bán lẻ điện bình quân không được điều chỉnh trong quý II.

► **Dầu thô và xăng dầu trong nước:** Giá Brent tăng mạnh trong tháng 4, sau đó giảm nhanh trong tháng 6.

► **Than nhiệt:** Diễn biến than không hoàn toàn đồng pha với dầu.

► **Tác động đến giá bán xi măng:** Trong tháng 5, nhiều doanh nghiệp xi măng ở cả miền Bắc và miền Nam điều chỉnh tăng giá bán khoảng 50.000 đồng/tấn.

♦ *Quý II/2026 là giai đoạn chi phí đầu vào biến động mạnh nhưng không đồng nhất.*



1.2.2. Biến động thị trường VLXD

Thị trường vật liệu xây dựng trong quý II/2026 tiếp tục phục hồi về sản lượng, nhưng mức độ cải thiện không đồng đều giữa các nhóm sản phẩm và giữa các vùng.

► **Môi trường vĩ mô hỗ trợ nhu cầu:** chỉ số sản xuất công nghiệp tăng xxx%, mức cao nhất kể từ năm 2019; ngành xây dựng tăng xxx%.

► **Xi măng và clinker:** Nhu cầu nội địa cải thiện nhờ các dự án giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, nhà ở xã hội và công trình dân dụng bước vào mùa xây dựng.

► **Thép xây dựng:** Sản lượng vẫn ở mức cao nhờ đầu tư công, nhưng nhịp tiêu thụ chậm lại so với quý trước tại một số doanh nghiệp lớn.

► **Cát, đá và vật liệu san lấp:** Đây tiếp tục là nhóm có rủi ro thiếu hụt cục bộ lớn nhất.

► **Bê tông thương phẩm, gạch và vật liệu hoàn thiện:** Nhu cầu bê tông thương phẩm được hỗ trợ tại các đô thị lớn, khu công nghiệp và dự án hạ tầng.

► **Thị trường khu vực và xuất khẩu:** Suy giảm bất động sản tại Trung Quốc tiếp tục tạo áp lực lên thị trường xi măng và clinker châu Á.

► **Rào cản thương mại và carbon:** Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của Liên minh

châu Âu (CBAM) bước vào giai đoạn chính thức từ ngày 1/1/2026 và bao phủ mặt hàng xi măng.

► Biến động giá một số VLXD chủ yếu

Nhựa đường, gạch xây và gạch lát nhìn chung ít biến động hơn nhóm cát - đá.

Bảng giá tham chiếu T6/2026

Vật liệu	Giá tham chiếu	Diễn biến
Xi măng PCB40 bao, đ/tấn	xxx triệu	xxx
Thép D10 CB300, đ/tấn	xxx triệu	xxx
Cát xây trát, đ/m ³	Xxx	xxx
Đá xây dựng 1x2, đ/m ³	xxx	Mức cao
Nhựa đường 60/70, đ/kg	Xxx	xxx
Gạch tuynel lỗ A1, đ/viên	Xxx	xxx
Gạch Cotto 400x400, đ/m ²	Xxx	xxx

◆ *Thị trường VLXD quý II/2026 tăng về lượng nhưng phân hóa mạnh về giá và lợi nhuận.*

1.2.3. Đầu tư công và thị trường bất động sản

Đầu tư công tiếp tục là động lực trực tiếp và có độ tin cậy cao nhất đối với nhu cầu xi măng và vật liệu xây dựng trong năm 2026..

► Cơ cấu nhu cầu vật liệu.

.....

► Độ trễ từ vốn đến tiêu thụ

.....

► Phân bổ theo vùng

.....

► Thị trường nhà ở

.....

► Nhà ở xã hội và nhà ở công nhân

.....

► Bất động sản công nghiệp

.....

► Gia hạn nghĩa vụ tài chính và hỗ trợ dòng tiền

.....

1.2.4. Tác động của cơ chế, chính sách

Trong quý II/2026, chính sách liên quan đến xi măng và vật liệu xây dựng chuyển mạnh theo bốn hướng:

.....

► Quản lý khoáng sản và nguồn cung vật liệu

.....

► Khung pháp lý về vật liệu xây dựng

.....

► Cơ chế mua bán điện trực tiếp

.....

► Thị trường carbon trong nước

.....

► Tác động thực tế của hạn ngạch phát thải

.....

► CBAM và yêu cầu từ thị trường quốc tế

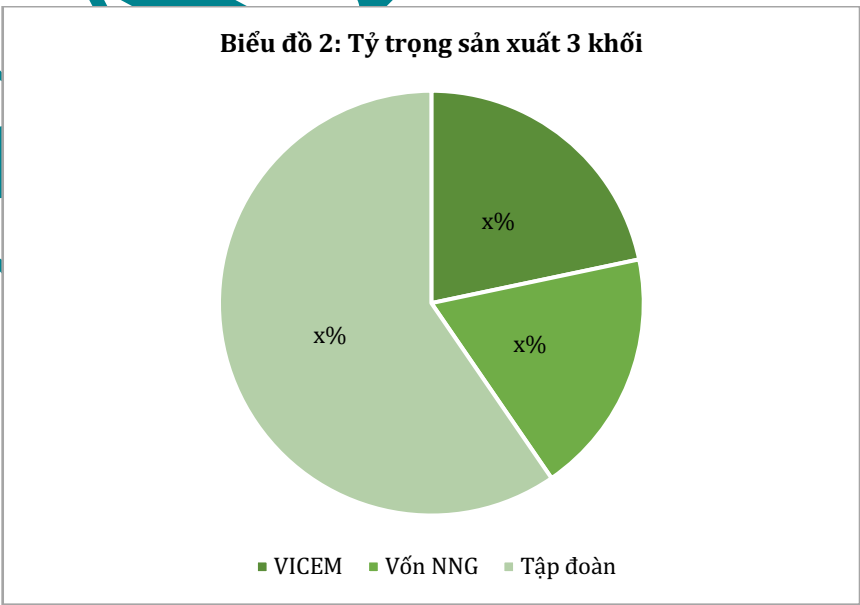
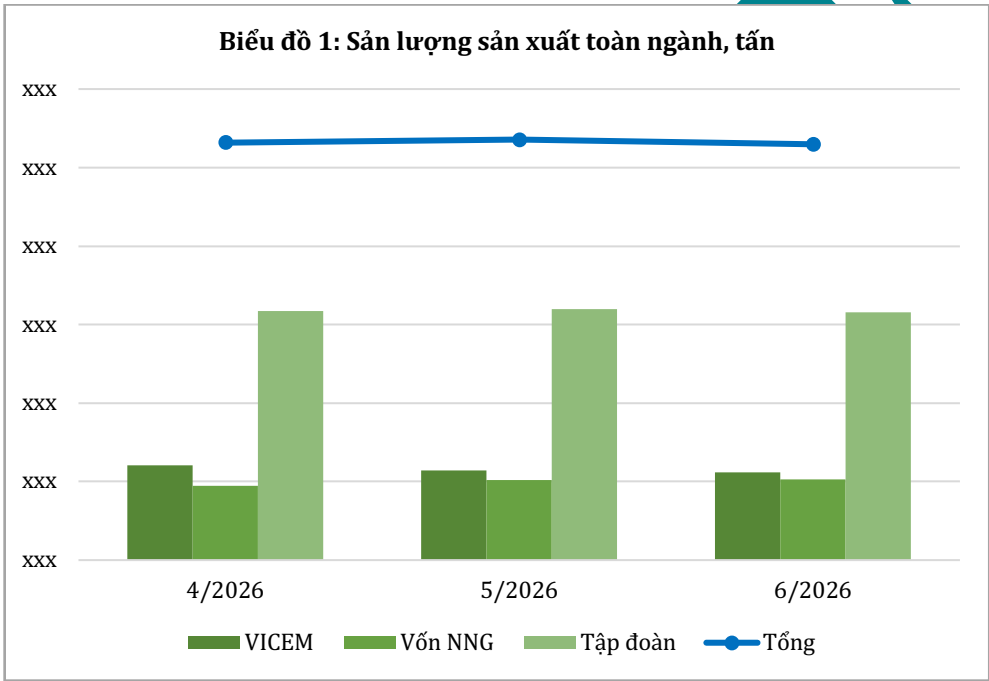
.....

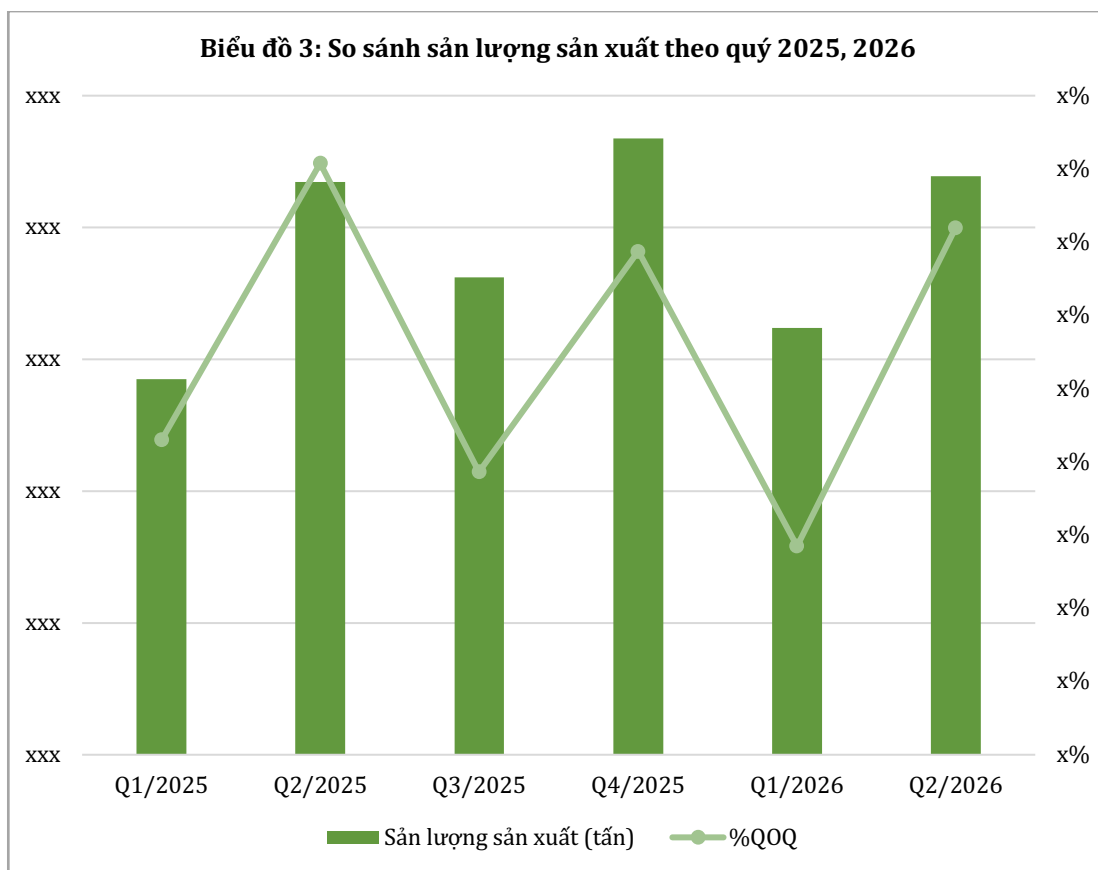
.....

PHẦN II – TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM

2.1. Tổng hợp số liệu sản xuất, tấn (Bảng 1)

TT	Tháng	4/2026	5/2026	6/2026	Tổng QII	QOQ	YOY
1	VICEM	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
2	Vốn NNG	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
3	Tập đoàn	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
	TỔNG	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%

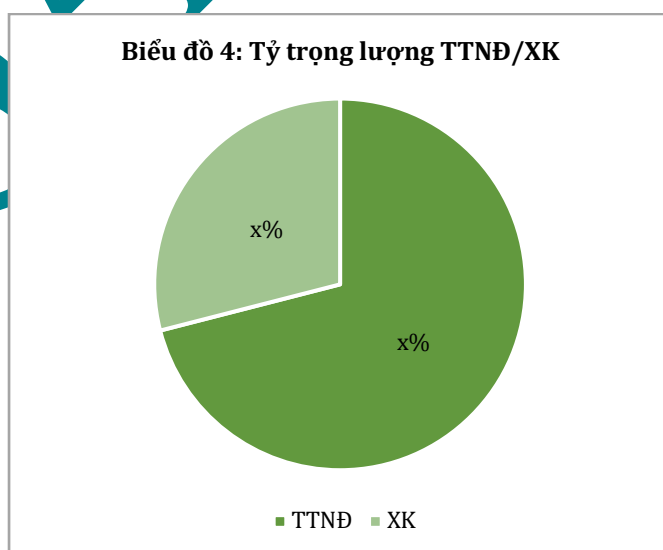




2.2. Tổng hợp số liệu tiêu thụ

2.2.1. Tổng lượng tiêu thụ xi măng + clinker toàn ngành, tấn (Bảng 2)

TT	Tháng	4/2026	5/2026	6/2026	Tổng QII	QOQ	YOY
1	TTNĐ	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
2	XK	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
	Tổng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%

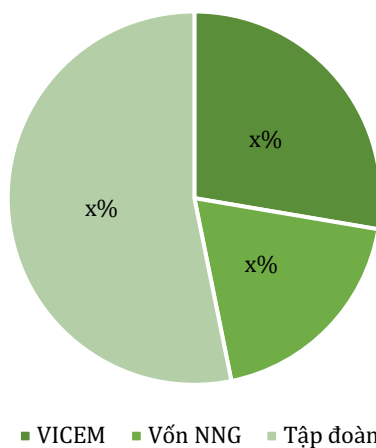


2.2.2. Tiêu thụ nội địa

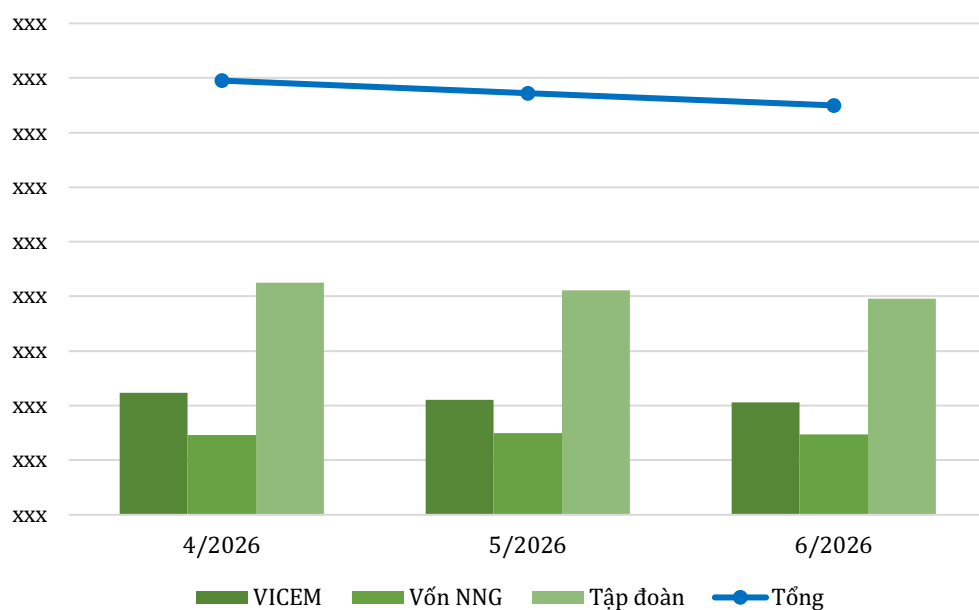
a. Tiêu thụ nội địa theo khối DN, tấn (Bảng 3)

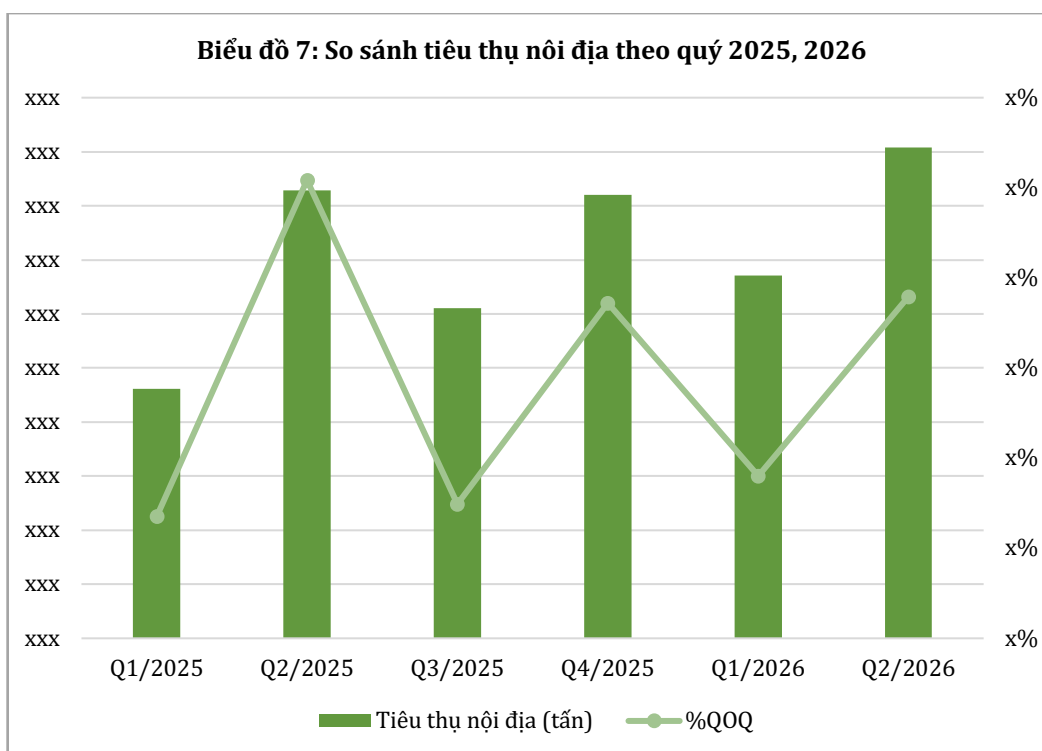
TT	Tháng	4/2026	5/2026	6/2026	Tổng QII	QOQ	YOY
1	VICEM	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
2	Vốn NNG	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
3	Tập đoàn	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
	TỔNG	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%

Biểu đồ 5: Tỷ trọng tiêu thụ nội địa 3 khối



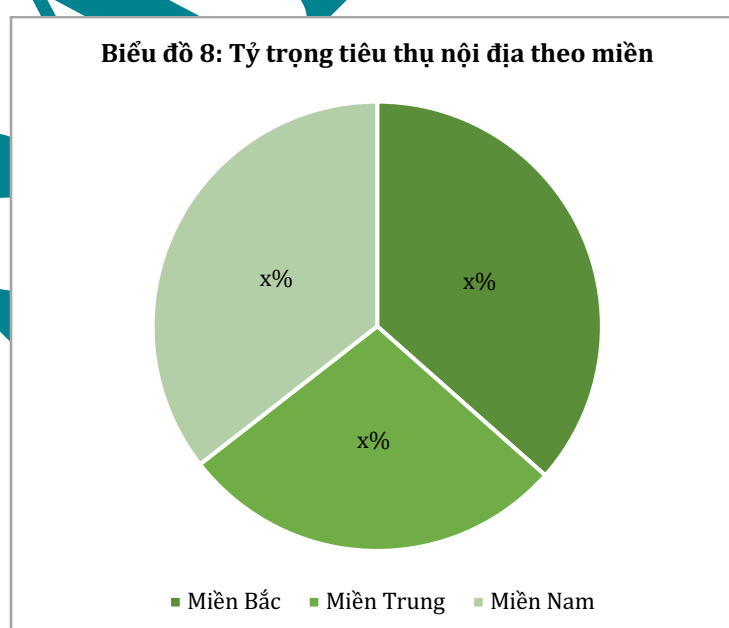
Biểu đồ 6: Sản lượng tiêu thụ nội địa, tấn

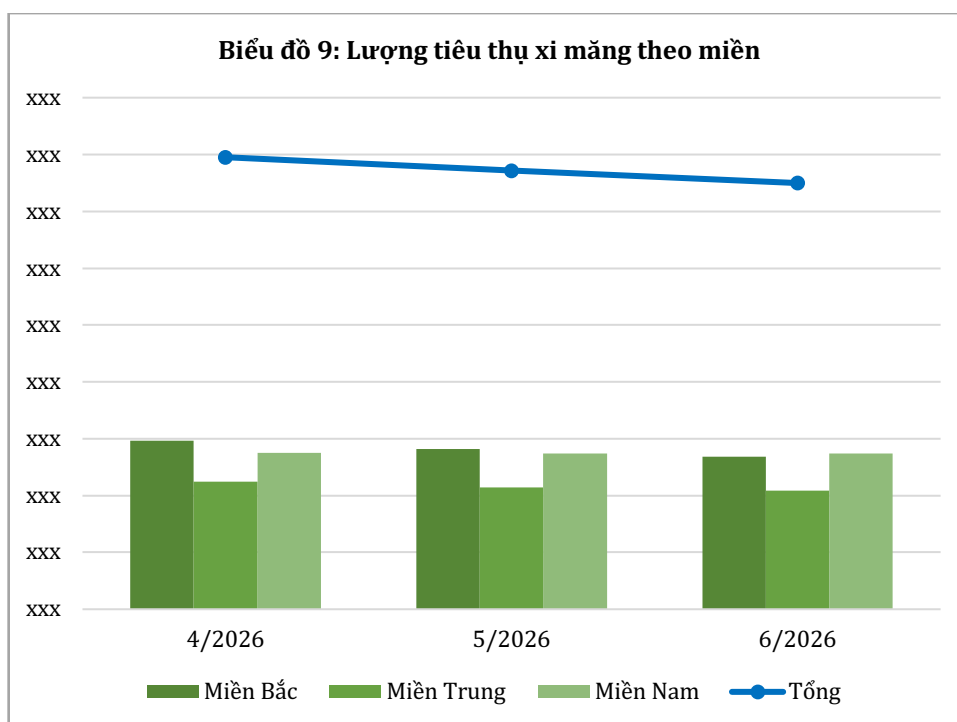




b. Tiêu thụ theo miền, tấn (Bảng 4)

TT	Tháng	4/2026	5/2026	6/2026	Tổng QII	QOQ	YOY
1	Miền Bắc	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
2	Miền Trung	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
3	Miền Nam	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
	TỔNG	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%

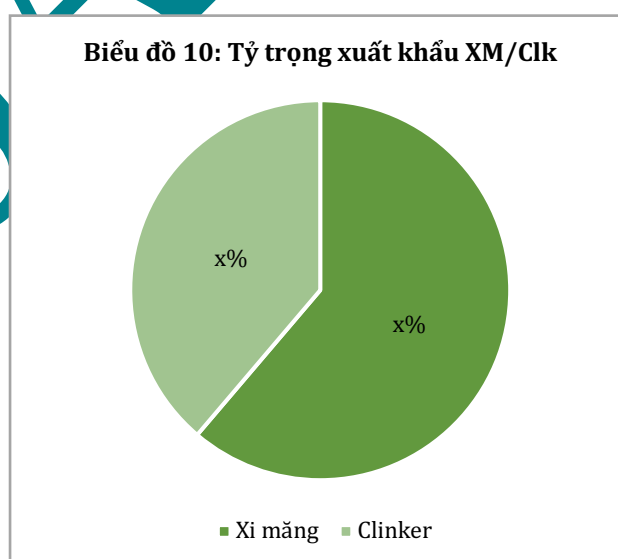


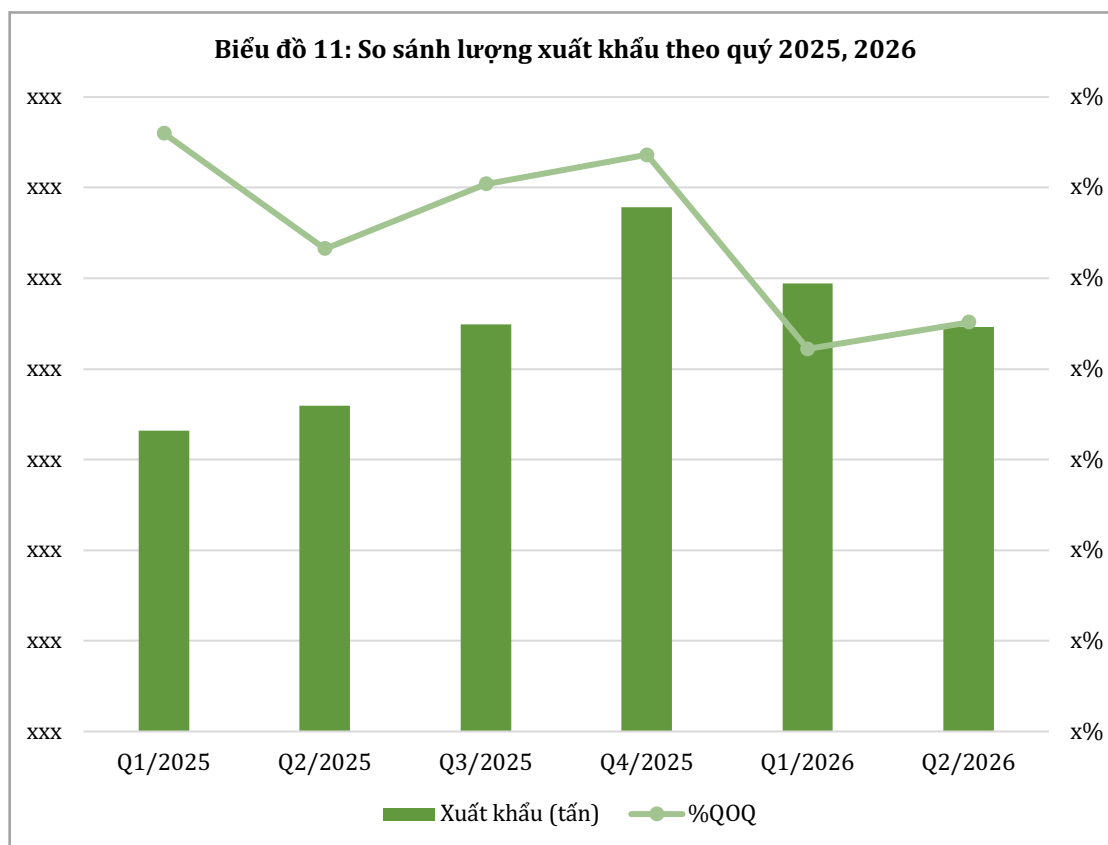


2.2.3. Xuất khẩu

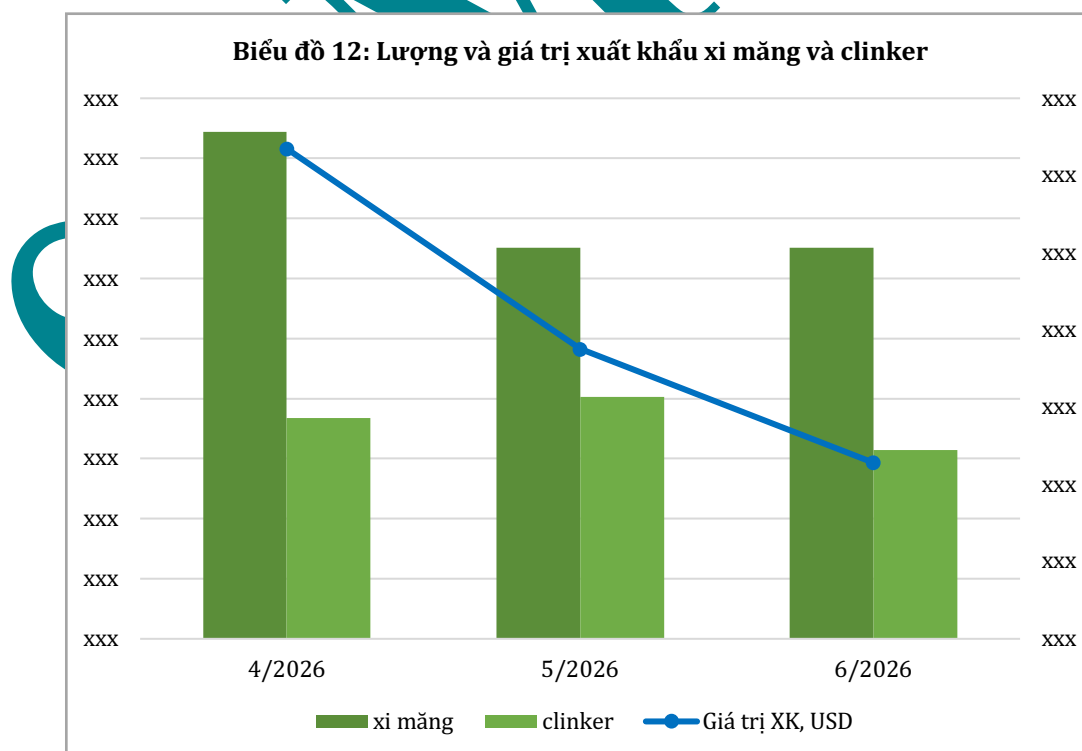
a. Sản lượng xuất khẩu xi măng + clinker (Bảng 5)

TT	Tháng	4/2026	5/2026	6/2026	Tổng QII	QOQ	YOY
1	Xi măng, tấn	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
2	Clinker, tấn	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
TỔNG LƯỢNG, tấn		xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
GIÁ TRỊ XK, USD		xxx	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%





b. Giá trị xuất khẩu xi măng + clinker

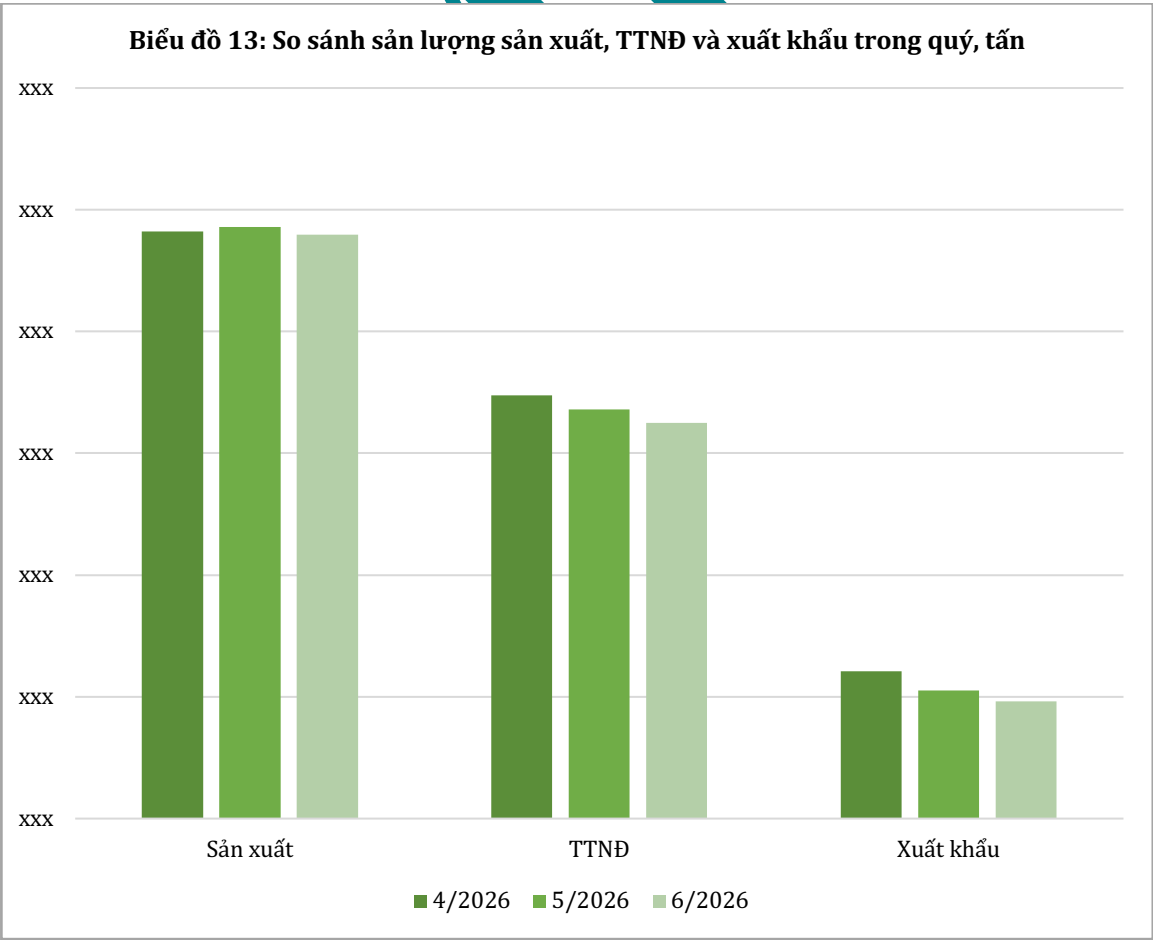


2.2.4. Tổng hợp lượng và giá trị xuất khẩu sang một số thị trường chính (Bảng 6)

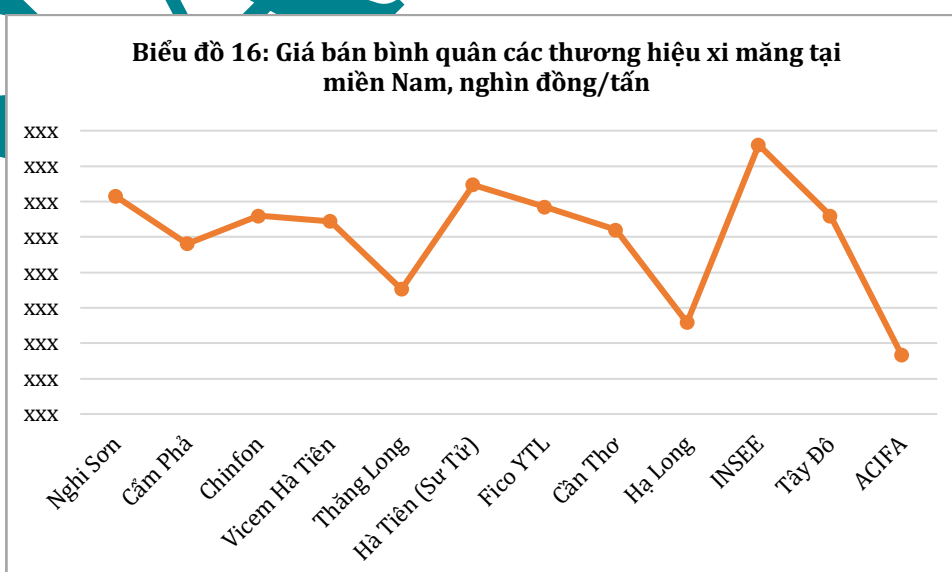
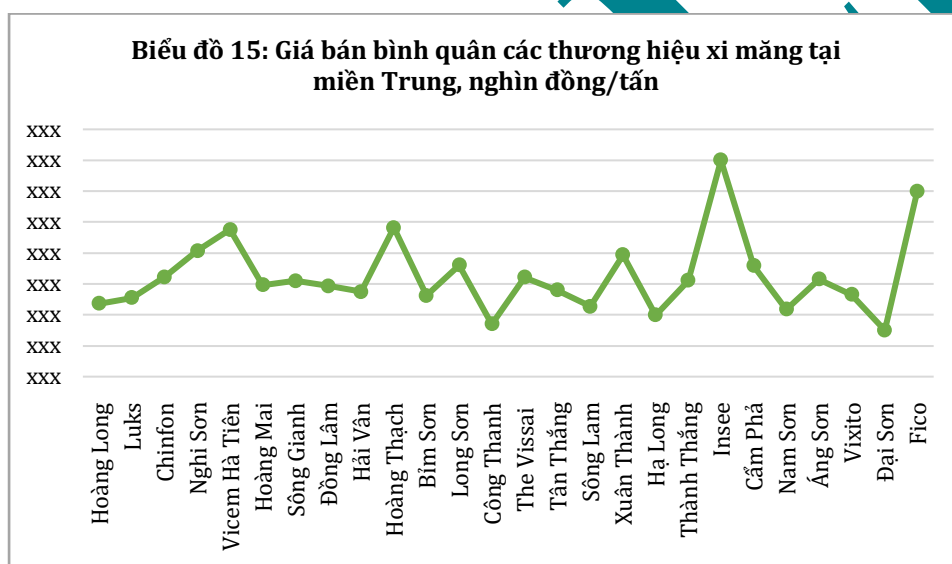
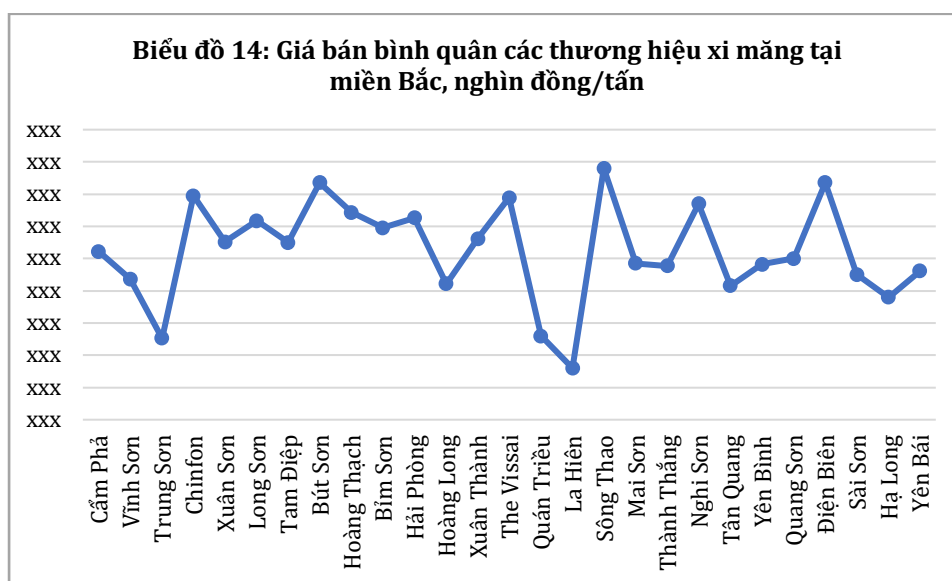
TT	Thị trường	Tháng 4/2026		Tháng 5/2026		Tháng 6/2026		Tổng Quý II	
		Lượng, tấn	Giá trị, USD	Lượng, tấn	Giá trị, USD	Lượng, tấn	Giá trị, USD	Lượng, tấn	Giá trị, USD
1	Australia	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
2	Bangladesh	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
3	Cambodia	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
4	Chile	xxx	xxx			xxx	xxx	xxx	xxx
5	Kenya	xxx	xxx					xxx	xxx
6	Laos	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
7	Malaysia	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
8	Myanmar			xxx	xxx			xxx	xxx
9	Peru	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
10	Philippines	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
11	Taiwan	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
12	Sri Lanka	xxx	xxx	xxx	xxx			xxx	xxx
13	USA + Other	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
	TỔNG	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

2.3. So sánh lượng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu theo quý, tấn (Bảng 7)

TT	Hạng mục	QI/2026	QII/2026	QII/2025	QOQ	YOY
I	TTNĐ, tấn	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
1	VICEM	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
2	Vốn NNG	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
3	Tập đoàn	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
II	XK, tấn	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
1	Xi măng	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
2	Clinker	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%
	TH toàn ngành	xxx	xxx	xxx	xxx%	xxx%



2.4. Giá bán XM bình quân trong QII/2026



PHẦN III – NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

Trong quý II/2026, nhiều doanh nghiệp đã có một số đợt điều chỉnh giá, phổ biến khoảng 50.000 đồng/tấn trong tháng 5.

3.1. Nhận định chung

►Thị trường xi măng quý II/2026 tiếp tục phục hồi về sản lượng và tiêu thụ so với cùng kỳ năm trước, nhưng tốc độ tăng bắt đầu chậm lại vào cuối quý.....

►Xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò giải phóng một phần công suất dư thừa nhưng hiệu quả chưa cao.....

3.2. Kết quả SXKD của một số doanh nghiệp xi măng

►VICEM Hà Tiên là doanh nghiệp nổi bật nhất, với doanh thu khoảng xxx tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế xxx tỷ đồng.....

►Kết quả SXKD của doanh nghiệp đạt được trong quý

Duy trì và mở rộng được sản lượng tiêu thụ nội địa, nhất là tại các dự án hạ tầng và đầu tư công.....

3.3. Phân tích tác động

►Tích cực

.....

►Rủi ro

.....

3.4. Dự báo và khuyến nghị

►Dự báo

• Thị trường nhiều khả năng duy trì trạng thái ổn định nhưng khó tăng mạnh so với quý II.....

►Khuyến nghị

• Ưu tiên hiệu quả mỗi tấn thay vì chạy theo sản lượng.....

PHẦN IV – NHỮNG VẤN ĐỀ NỔI BẬT CỦA NGÀNH XI MĂNG VIỆT NAM

Quý II/2026 ghi nhận sự phục hồi rõ hơn của tiêu thụ xi măng trong nước, trong khi xuất khẩu và hiệu quả kinh doanh vẫn phân hóa..

4.1. Sản xuất, tiêu thụ và diễn biến thị trường

►Thị trường nội địa tiếp tục là lực đỡ chính, nhưng đà tăng giảm dần về cuối quý

►Về cơ cấu thị trường, miền Bắc và miền Trung hưởng lợi trực tiếp hơn từ các dự án cao tốc, đường vành đai, sân bay và hạ tầng công nghiệp.

►Xuất khẩu có đơn hàng nhưng tiếp tục chịu áp lực về giá.

►Hai đợt điều chỉnh giá trong tháng 5 thiết lập mặt bằng giá mới

4.2. Kết quả kinh doanh, quản trị và tái cơ cấu doanh nghiệp

►VICEM cải thiện rõ kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận trong nửa đầu năm

►VICEM Hà Tiên tập trung kiểm soát chi phí, bảo đảm đầu ra và đầu tư năng lượng

►VICEM Bút Sơn dành nguồn lực lớn cho đầu tư chiều sâu và chuyển đổi xanh

►Hoạt động tài chính và quản trị doanh nghiệp tiếp tục phân hóa

4.3. Đầu tư công nghệ, năng lượng, giảm phát thải

►VICEM Tam Điệp triển khai điện mặt trời mái nhà công suất 6,2 MWp

►Xi măng Tân Thắng đầu tư hệ thống sử dụng chất thải làm nhiên liệu thay thế

►Xi măng Đồng Lâm triển khai dự án nhiên liệu thay thế quy mô khoảng 600 tấn chất thải/ngày

►Xu hướng đầu tư xanh chuyển từ dự án đơn lẻ sang chương trình cải tạo đồng bộ

4.4. Đầu tư công suất, nguồn nguyên liệu và hạ tầng logistics

►An Giang ghi nhận hai dự án xi măng quy mô lớn với tổng vốn gần 17.000 tỷ đồng

►Thanh Hóa xem xét cấp phép thăm dò mỏ sét phục vụ Xi măng Long Sơn

►Nghệ An rà soát Khu bến Đông Hồi, tăng năng lực logistics cho cụm xi măng Bắc Trung Bộ

4.5. Cơ chế, chính sách mới tác động đến ngành

►Chính phủ ban hành Nghị định 209/2026/NĐ-CP về quản lý vật liệu xây dựng

►Hạ tầng vận hành thị trường carbon được hoàn thiện thêm vào cuối quý

►Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ và chỉ tiêu cho Chiến lược phát triển VICEM giai đoạn 2026 – 2030

4.6. Nhận định tổng hợp

PHỤ LỤC KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP XI MĂNG

Bảng 8 - Kết quả kinh doanh Quý II năm 2026 của một số doanh nghiệp xi măng

TT	Doanh nghiệp	Doanh thu	Giá vốn	Chi phí tài chính	Chi phí bán hàng	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế TNDN
1	Vicem Bút Sơn	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
2	Vicem Hoàng Mai	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
3	XM La Hiên VVMI	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
4	XM Sài Sơn	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
5	Vicem Hà Tiên	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
6	Vicem Hải Vân	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
7	XM Quán Triều VVMI	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
8	XM Yên Bình	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
9	XM Phú Thọ	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
10	Vicem Thạch cao XM	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
11	Vicem VLXD Đà Nẵng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

PHỤ CHÚ

Nguồn thông tin và tài liệu tham khảo

1. Hiệp hội Xi măng Việt Nam;
2. Trang thông tin điện tử: ximang.vn;
3. Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
4. Cục Thống kê - Bộ Tài chính;
5. Báo cáo tài chính và công bố thông tin của các doanh nghiệp xi măng niêm yết;
6. Báo cáo chuyên ngành của các công ty chứng khoán và các nguồn công khai khác.

Lời Ban Biên soạn QCR:

*“Báo cáo thị trường xi măng hàng quý (QCR) do **Trung tâm Thông tin và Dữ liệu xi măng (CIDC)** tổng hợp và biên soạn, nhằm cung cấp cho độc giả những thông tin cập nhật về ngành xi măng và số liệu tổng hợp về sản xuất, tiêu thụ xi măng và clinker trong quý, đồng thời đưa ra các dự báo cho quý tiếp theo.*

Các số liệu và đánh giá trong Báo cáo này đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và thực hiện bởi các chuyên gia. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tuyệt đối sự chính xác của thông tin. Các tổng hợp và tính toán do chúng tôi đưa ra chỉ thể hiện quan điểm của BBT ximang.vn tại thời điểm phát hành ấn phẩm.

Chúng tôi hy vọng tài liệu này hữu ích với độc giả, nhưng khuyến cáo chỉ nên dùng làm tài liệu tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng Báo cáo này.

Mặc dù đã hết sức cố gắng, tài liệu khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến phản hồi, cập nhật, hiệu chỉnh thông tin để chúng tôi tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trong những lần phát hành tiếp theo. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ Email: gamma@ximang.vn, Zalo: 0913513465, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

Ấn phẩm Báo cáo Thị trường Xi măng Việt Nam hàng quý thuộc bản quyền của Trung tâm Thông tin và Dữ liệu xi măng (CIDC). Không ai được phép sao chép, tái sử dụng, phát hành cũng như tái phân phối Báo cáo này vì bất cứ mục đích nào, nếu không có sự đồng ý của chúng tôi.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.

Trân trọng.”

CIDC



TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH XI MĂNG VIỆT NAM

Địa chỉ: P2006 tòa nhà HH2 Bắc Hà, số 15 đường Tố Hữu, TP. Hà Nội

*Hotline: 0905 329 109

*Email: gamma.ximang@gmail.com

*Website: ximang.vn; cement.vn